

Bản án số: 192/2022/DS-PT  
Ngày: 29/11/2022  
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thắm.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 257/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:***

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961 (có mặt)

2. Ông Phan H, sinh năm 1960 (có mặt)

Đồng trú: Số nhà 384 đường Tr, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

***- Bị đơn:***

1. Ông Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1976 (có mặt)

2. Bà Trần Thị Yên L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: 765 Tr, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Yên L là ông Nguyễn Thanh Tr (giấy ủy quyền số 002454 ngày 09/5/2022)

***- Người kháng cáo:*** Ông Nguyễn Thanh Tr và bà Trần Thị Yên L là bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Phan H đồng trình bày:*

Vợ chồng bà và vợ chồng ông Nguyễn Thanh Tr, bà Trần Thị Yên L quen biết với nhau thông qua các mối quan hệ làm ăn từ năm 2007 đến nay. Năm 2012, ông bà có cho vợ chồng ông Tr vay 02 lần tiền, tổng cộng là 550.000.000đ. Cụ thể: Ngày 24/6/2012 vay 450.000.000đ; ngày 10/7/2012 vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có viết giấy nhận nợ, lãi suất thỏa thuận là 4,5%/1 tháng. Thời hạn vay từ 5 - 7 ngày kể từ ngày vay.

Ngày 27/5/2013, ông bà có mua của vợ chồng ông Tr, bà L 01 chiếc xe máy hiệu Click màu đỏ trị giá 68.000.000đ, hai bên thống nhất trừ vào số tiền mà vợ chồng ông Tr đã vay là 50.000.000đ, ông bà trả tiền mặt là 18.000.000đ. Ngày 18/01/2014, vợ chồng ông mua thêm 01 chiếc xe máy hiệu Click màu trắng trị giá 68.000.000đ, hai bên thống nhất trừ vào số tiền vợ chồng ông Tr đã vay là 28.000.000đ, còn lại ông bà trả tiền mặt là 40.000.000đ. Sau đó, vợ chồng ông Tr bán nhà và có trả cho vợ chồng ông bà là 50.000.000đ. Vì vậy, tổng số tiền gốc mà vợ chồng ông Tr đã trả là 128.000.000đ, còn nợ 422.000.000đ. Mặc dù ông bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông Tr không trả. Nên vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Tr phải trả tiền gốc một lần và không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr trình bày:*

Ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời gian vay, số tiền vay, thời hạn vay, số tiền gốc đã trả và số tiền gốc còn nợ là đúng. Hiện nay, ông còn nợ vợ chồng ông H, bà Th số tiền gốc là 422.000.000đ. Tuy nhiên, mục đích ông vay tiền là để cho người khác vay lại hưởng chênh lệch lãi suất. Hiện nay, gia đình ông gặp nhiều khó khăn nên xin nguyên đơn giảm  $\frac{1}{2}$  tiền nợ gốc và xin được trả dần số tiền còn lại trong thời gian từ 5 tháng đến 6 tháng. Ngoài ra, đây là khoản nợ của riêng ông, vợ ông không biết nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ ông cùng trả nợ.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh Tr, bà Trần Thị Yên L phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan H, bà Nguyễn Thị Th số tiền 422.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr và bà Trần Thị Yên L có đơn kháng cáo nội dung bản án sơ thẩm yêu cầu xác định lại số nợ gốc và không đồng ý buộc bà L cùng có trách nhiệm trả nợ với ông Tr.

Tại phiên Tòa phúc thẩm ông H, bà Th không rút đơn khởi kiện, ông Tr, bà L giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Bình Định phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Vào ngày 24/6/20212 và ngày 10/7/2012 giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, ông Phan H với ông Nguyễn Thanh Tr có giao kết hợp đồng vay tài sản, số tiền vay hai bên khai thống nhất là 550.000.000đ. Sau khi vay, ông Nguyễn Thanh Tr đã trả số tiền gốc là 128.000.000đ, còn nợ lại 422.000.000đ nên vợ chồng bà Th, ông H khởi kiện buộc vợ chồng ông Tr phải trả số tiền gốc là 422.000.000đ là có căn cứ.

[1.2] Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà Th, ông H với ông Tr phù hợp với quy định tại các Điều 463 và Điều 469 của Bộ Luật Dân sự. Việc vợ chồng bà Th, ông H yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà L phải trả nợ là phù hợp với Điều 465 của Bộ Luật Dân sự. Tuy nhiên, vợ chồng ông Tr, bà L cho rằng việc vay mượn tiền là giao dịch giữa bà Th, ông H với ông Tr nên ông Tr có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Th, ông H; bà L không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa vợ chồng bà Th, ông H với ông Tr. Qua xem xét chứng cứ là 02 “Giấy nhận nợ vay tiền ngày 24/6/20212 và ngày 10/7/2012” do vợ chồng bà Th, ông H cung cấp thì nội dung chữ viết, chữ ký là của ông Tr. Ông Tr thừa nhận viết và chữ ký Nguyễn Thanh Tr trong hai giấy nhận nợ vay tiền nói trên là của ông, không có chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị Yên L trong hai “Giấy nhận nợ vay tiền”. Như vậy, số tiền vay 550.000.000đ tại hai “Giấy nhận nợ vay tiền” ngày 24/6/20212 và ngày 10/7/2012 bà L không biết. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc ông Tr phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Th, ông H số tiền 422.000.000đ là có căn cứ.

[1.3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm xác định số tiền gốc hiện nay ông Tr còn nợ bà Th, ông H 422.000.000đ là có cơ sở, nhưng tuyên xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh Tr, bà Trần Thị Yên L phải có nghĩa

vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, ông Phan H số tiền 422.000.000đ là không phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Tr và bà Trần Thị Yên L, sửa Bản án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Thanh Tr phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, ông Phan H số tiền 422.000.000đ (Bốn trăm hai mươi hai triệu đồng).

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì Ông Nguyễn Thanh Tr phải chịu 20.880.000 đồng.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông Nguyễn Thanh Tr và bà Trần Thị Yên L không phải chịu.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Tr và bà Trần Thị Yên L, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình;*

*Căn cứ Điều khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr và bà Trần Thị Yên L.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 257/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Phan H.

4. Buộc ông Nguyễn Thanh Tr phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan H và bà Nguyễn Thị Th số tiền 422.000.000đ (Bốn trăm hai mươi hai triệu đồng).

5. Về án phí dân sự:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Tr phải chịu 20.880.000đ (Hai mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh Tr và bà Trần Thị Yên L phải không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh Tr và bà Trần Thị Yên L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004515 ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Đỗ Thị Thắm**